



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP LÁ

(kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-UBND, ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức)
Năm học 2021 - 2022

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyển tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
1	Bình An	CL	An Khánh	Trên địa bàn phường	3	105	417
2	Trẻ Em Sài Gòn	NCL			1	26	
3	Tuổi Thơ	NCL			1	26	
4	Đông Sài Gòn	NCL			1	26	
5	Tuệ Đức	NCL			1	26	
6	ABC	NCL			1	26	
7	Viên Ngọc sáng	NCL			1	26	
8	Yêu Con	NCL			1	26	
9	Mặt Trời Nhỏ	NCL			1	26	
10	Vịt Con	NCL			1	26	
11	Chuồn Chuồn Kim	NCL			1	26	
12	Vương Quốc Kiko	NCL			1	26	
13	Ánh Dương	NCL			1	26	
14	19/5	CL	An Phú	Trên địa bàn phường	3	105	715
15	Họa Mi	CL			3	105	
16	Vườn Hồng	CL			4	140	
17	An Phú	CL			2	70	
18	An Bình	CL			2	70	
19	Nam Rạch Chiếc	CL			1	35	
20	Khôi Nguyên	NCL			1	10	
21	Chuột Túi Thông Minh	NCL			1	10	
22	Nui Cười Hồng	NCL			1	10	
23	Chú Ong Vui Vẻ	NCL			1	10	
24	Bé Yêu	NCL			1	10	
25	Ngôi Nhà Trẻ Thơ	NCL			1	10	
26	Bầu Trời Xanh	NCL			1	10	
27	Bồ Công Anh	NCL			1	10	
28	Nhà Bé Vui	NCL			1	10	
29	Tre Xanh	NCL			1	10	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
30	Cỏ Ba Lá	NCL			1	10	
31	Bé Ong Sài Gòn	NCL			1	10	
32	Ngôi Nhà Vui Nhộn	NCL			1	10	
33	Thiên Thần Nhỏ	NCL			1	10	
34	Hương Dương Vàng	NCL			1	10	
35	Ngôi Nhà Nhỏ	NCL			1	10	
36	Ngôi Sao Tuổi Thơ	NCL			1	10	
37	Bạch Hân	NCL			1	10	
38	Con Đường Tuệ đức	NCL			1	10	
39	Thảo Điền	CL	Thảo Điền	Trên địa bàn phường	2	70	410
40	Montestori	NCL			1	20	
41	Miền Trẻ Thơ	NCL			1	20	
42	Chân Xinh	NCL			1	20	
43	Ngôi Sao	NCL			1	20	
44	Mn Hùng Đông	NCL			1	20	
45	Hoa Diên Vĩ	NCL			1	20	
46	Tuổi Thơ Kỳ Diệu	NCL			1	20	
47	Đông Bắc	NCL			1	20	
48	Thành Phố Tuổi Thơ	NCL			1	20	
49	Thiên Nhiên	NCL			1	20	
50	Nhóc Trùm	NCL			1	20	
51	Hành Tinh Trẻ	NCL			1	20	
52	Tài Năng Tuổi Thơ	NCL			1	20	
53	Chân Trời Trẻ Thơ	NCL			1	20	
54	Bước Chân Tuổi Thơ	NCL			1	20	
55	Quốc Tế Banh Bi	NCL			1	20	
56	Lâm An	NCL			1	20	
57	Bình Trưng Đông	CL	Bình Trưng Đông	Trên địa bàn phường	3	105	622
58	Sen Hồng	CL			3	105	
59	Bình Minh	NCL			4	140	
60	Tân Đông	NCL			1	34	
61	Ánh Cầu Vồng	NCL			1	34	
62	Thần Đồng	NCL			1	34	
63	Én Nhỏ	NCL			1	34	
64	Nụ Cười Xinh	NCL			1	34	
65	Vườn Trẻ Thơ	NCL			1	34	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
66	Hướng Dương Sài Gòn	NCL	Bình Trưng Tây	Trên địa bàn phường	1	34	375
67	Kiến Tạo	NCL			1	34	
68	Măng Non	CL			3	105	
69	Vành Khuyên	CL			2	90	
70	Việt Mỹ Sài Gòn	NCL			1	20	
71	Thiên Ân	NCL			1	20	
72	Hoa Anh Đào	NCL			1	20	
73	Úc Châu	NCL			1	20	
74	Hoa Hướng Dương	NCL			1	20	
75	Nhà của Bé	NCL			1	20	
76	Thành Phố Tuổi Hoa	NCL			1	20	
77	Chào Bọn Nhỏ	NCL			1	20	
78	Vương Quốc Tí Hon	NCL			1	20	
79	Cát Lái	CL	Cát Lái	Trên địa bàn phường	3	105	305
80	Sơn Ca	CL			4	140	
81	Sao Việt	NCL			1	10	
82	Mỹ Đức (22534515)	NCL			1	10	
83	Mặt Trời Hồng	NCL			1	10	
84	Hạt Đậu Nhỏ	NCL			1	10	
85	MG 1/6	NCL			1	10	
86	Trẻ Em Alpha	NCL			1	10	
87	Thạnh Mỹ Lợi	CL	Thạnh Mỹ Lợi	Trên địa bàn phường	3	105	300
88	Hoa Hồng	CL			2	70	
89	Hoa Sen	CL			1	35	
90	Thái Bình	NCL			1	10	
91	Bàn Tay Thiên Thần	NCL			1	10	
92	Vùng Đất Tuổi Thơ	NCL			1	10	
93	Victoria (An Nhiên)	NCL			1	10	
94	Global EcoKids	NCL			1	30	
95	Cỏ Non	NCL			1	10	
96	Việt Úc	NCL			3	90	
97	Hiệp Phú	CL	Hiệp Phú	Khu phố 1 và 2	2	60	
98	Rồng Vàng	NCL			1	30	
99	Việt Duy	NCL			2	60	
100	Sao Mai (cơ sở 2)	NCL			2	60	
101	ABC	NCL			2	60	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
102	Tuổi Ngọc	CL		Khu phố 3 và 4	4	120	
103	Sao Mai (cơ sở 1)	NCL			1	30	
104	Vàng Anh	CL		Khu phố 5 và 6	2	70	
105	Sơn Ca 2	CL	Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giãn Dân + Chân Phúc Cẩm + Mỹ Thành	4	120	
106	Long Thạnh Mỹ	CL		Khu phố 1 + Gò Công và Long Hòa	3	90	
107	Nai Vàng	NCL			2	70	
108	Thiện Mỹ	NCL			1	30	
109	Hoa Thương	NCL			4	120	
110	Long Phước	CL	Long Phước	Trên địa bàn phường	4	120	
111	Long Bình	CL	Long Bình	Khu phố Phước Thiện + Long Bửu + Bến Đò	5	150	
112	Long Sơn	CL		Khu phố Long Sơn + C.Ông Tán, Thái Bình 1 + Thái Bình 2	1	30	
113	Tạ Uyên	CL		Khu phố Vĩnh Thuận và Giãn Dân	2	25	
114	Thanh Lịch	NCL			2	70	
115	Long Trường	CL	Long Trường	Khu phố Ông Nhiêu + Phước Lai + Trường Lưu và Tam Đa	6	210	
			Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai			
116	Tuổi Thơ	CL	Phú Hữu	Trên địa bàn phường	3	90	
117	Hoàng Lê	NCL			1	30	
118	Con Mèo Vàng	NCL			1	30	
119	Cocoon Kén Nhỏ	NCL			1	30	
120	Bầu Trời Xanh	NCL			1	30	
121	Miền Tré Thơ	NCL			2	60	
122	Hoa Sen	CL	Phước Long A	Trên địa bàn phường	3	105	
123	Thỏ Ngọc	NCL			2	60	
124	Hoa Mai	NCL			3	90	
125	Ngô Thời Nhiệm	NCL			3	90	
126	Vương Quốc Tí Hon	NCL			1	30	
127	Kiều Đàm	NCL			2	60	
128	Thiên Ân Phúc 3	NCL			1	30	
129	Hoa Lan	CL			5	150	
130	Hoa Hồng Đỏ	NCL			5	150	
131	Bình Minh	NCL			4	120	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
132	Á Châu	NCL	Phước Long B	Trên địa bàn phường	3	90	
133	Thăng Long A	NCL			1	30	
134	Kim Đồng	NCL			1	30	
135	Thiên Ân Phúc 4	NCL			2	60	
136	Tuệ Đức	NCL			2	60	
137	Hoa Thiên Vỹ	NCL			1	30	
138	Thiên Phúc	NCL			1	30	
139	Diệu Kỳ	NCL			1	30	
140	Mặt Trời Á Châu	NCL			1	30	
141	Phước Bình	CL	Phước Bình	Trên địa bàn Phường	6	270	
142	Sóc Nâu	NCL			2	60	
143	Tuổi Hồng	CL	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 1 và 6	2	70	
144	Hoàng Yến 2	CL		Khu phố 2 +3 + 4 +5 và 7	3	90	
145	Cậu Bé Gỗ	NCL			1	30	
146	Ban Mai	NCL			1	30	
147	Phong Phú	CL	Tăng Nhơn Phú B	Trên địa bàn Phường	4	120	
148	Sao Sáng	NCL			2	60	
149	Song Như	NCL			1	30	
150	Thiên Ân Phúc 5	NCL			1	30	
151	Mẹ Yêu Con	NCL			2	60	
152	Trường Thạnh	CL	Trường Thạnh-Long Trường	Cả phường Trường Thạnh (trừ kp Phước Lai) và Khu phố Phước Hiệp phường Long Trường	5	150	
153	Hồ Ngọc Cẩn	NCL			1	30	
154	Ngôi Sao	NCL			1	30	
155	Tuổi Hoa	CL	Tân Phú	Khu phố 1 và 2	2	70	
156	Minh Ngọc	NCL			1	30	
157	Tân Phú	CL		Khu phố 3, 4, 5 và 6	3	90	
158	Mai Hoa	NCL			5	160	
159	Công Nghệ Cao	NCL			1	30	
160	Hoàng Kim	NCL			1	30	
161	Hoa Trà My	NCL			1	30	
162	Bình Thọ	CL			3	110	
163	Sao Vàng	CL			2	67	
164	Vành Khuyên 3	CL			4	150	
165	Hoa Mặt Trời	NCL			1	16	
166	Cánh Thiên Thần	NCL			1	15	
167	Hồng Ân	NCL			5	180	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
168	Mai Anh	NCL	Bình Thọ	Trên địa bàn Phường	7	250	
169	Thủ Đức	NCL			5	168	
170	Việt Mỹ	NCL			1	23	
171	Học Viện Hoa Kỳ	NCL			1	12	
172	Thành Phố Tuổi Thơ	NCL			1	18	
173	Tuệ Đức	NCL			1	23	
174	LMG Đại Việt Mỹ	NCL			1	15	
175	Trường Thọ	CL	Trường Thọ	Trên địa bàn Phường	2	60	
176	Hoa Ngọc Lan	NCL			2	55	
177	Bến Thành	NCL			1	23	
178	Gấu Trúc	NCL			1	24	
179	Cơ sở Thí điểm giữ trẻ	NCL			1	25	
180	Vàng Anh	NCL			2	30	
181	Tâm Nhi	NCL			1	13	
182	Lá Phong Việt	NCL			1	13	
183	Tam Phú	CL	Tam Phú	Trên địa bàn Phường	4	150	
184	Khai Tâm	NCL			1	30	
185	Linh Ân	NCL			3	105	
186	Thanh Thúy	NCL			1	11	
187	Mặt Trời	NCL			1	20	
188	Tam Bình	CL	Tam Bình	Trên địa bàn Phường	3	110	
189	Hoàng Anh	NCL			3	110	
190	Việt Anh	NCL			2	44	
191	Ngọc Lan	NCL			2	47	
192	Nhân Ái	NCL			2	64	
193	Gia Huy	NCL			3	90	
194	Ngôi Nhà Xanh	NCL			1	20	
195	Linh Tây	CL	Linh Tây	Trên địa bàn Phường	3	110	
196	Sao Mai	CL			2	64	
197	Thiên Ca	NCL			2	44	
198	Sen Hồng 3	CL	Linh Trung	Trên địa bàn Phường	2	70	
199	Hoàng Yến 3	CL			4	140	
200	Linh Trung	CL			2	70	
201	20/11	NCL			1	30	
202	Bông Sen	NCL			2	65	
203	Hạnh Phúc	NCL			4	120	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
204	Hoàng Ngọc	NCL			1	25	
205	Kiểu Mẫu	NCL			2	64	
206	Ngôi Sao Sáng	NCL			1	24	
207	Thỏ Trắng	NCL			1	40	
208	Việt Mỹ Sài Gòn	NCL			1	20	
209	Hoa Đào	CL	Linh Xuân	Trên địa bàn Phường	4	150	
210	Linh Xuân	CL			4	140	
211	Thỏ Ngọc	CL			3	80	
212	Hoa Phượng	NCL			4	150	
213	Hoa Lan	NCL			1	25	
214	Bồ Công Anh	NCL			2	70	
215	Bích Trâm	NCL			2	70	
216	Vàng Dương	NCL			3	110	
217	Tuổi Tiên	NCL			2	45	
218	Mai An	NCL			1	35	
219	Bi Bi	NCL			2	48	
220	Sắc Màu Tuổi Thơ	NCL			2	50	
221	Ánh Hồng	NCL			4	140	
222	Hương Sen	CL	Linh Đông	Trên địa bàn Phường	4	140	
223	Bông Sen Xanh	NCL			2	46	
224	Nhật Tân	NCL			3	83	
225	Vườn Tuổi Thơ	NCL			1	20	
226	Ngôi Nhà Hạnh Phúc	NCL			2	46	
227	Trình Vương	NCL			5	156	
228	Mây Hồng	NCL			3	50	
229	Hoa Diên Vĩ	NCL			1	12	
230	Linh Chiêu	CL	Linh Chiêu	Trên địa bàn Phường	3	110	
231	Thanh Tâm	NCL			6	210	
232	An Bình	NCL			1	30	
233	Hoa Xuân	NCL			1	30	
234	Học Viện Sài Gòn	NCL			3	68	
235	Bách Việt	NCL			1	25	
236	Bình Chiêu	CL			3	110	
237	Hoa Mai	CL			4	140	
238	Họa Mi 3	CL			3	90	
239	Mai Tâm	NCL			4	140	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
240	Mai Khôi	NCL	Bình Chiểu	Trên địa bàn Phường	2	70	
241	Hoa Cúc	NCL			1	35	
242	Hoa Sen	NCL			1	35	
243	Hương Nắng Hồng	NCL			2	70	
244	Hương Lan	NCL			1	35	
245	Khiết Tâm	NCL			3	110	
246	Mai Vàng	NCL			1	30	
247	Mặt Trời Đỏ	NCL			2	56	
248	Thanh Bình	NCL			2	72	
249	Trúc Xanh	NCL			1	33	
250	Hoa Bình Minh	NCL			1	28	
251	Hoa Hồng 3	CL	Khu phố 4, 5 và 6	Trên địa bàn Phường	3	114	
252	Hiệp Bình Phước	CL			2	70	
253	Ánh Dương	NCL			1	35	
254	Bầu Trời Xanh	NCL			3	86	
255	Búp Sen Hồng	NCL			1	35	
256	Đông Dương	NCL			3	110	
257	Hải Âu	NCL			1	34	
258	Hoa Hồng Nhỏ	NCL			1	28	
259	Hương Dương	NCL			4	150	
260	Hoa Quỳnh	NCL			1	27	
261	Măng Non	NCL			2	74	
262	Sao Vui	NCL			1	35	
263	Thần đồng	NCL			1	32	
264	Tuổi Ngọc	NCL			1	35	
265	Mai Ka	NCL			1	25	
266	Mặt Trời Nhỏ	NCL			1	10	
267	Ngôi Nhà Hugo	NCL			2	44	
268	Hiệp Bình Chánh 1	CL	Khu phố 1 và 2	Khu phố 3, 4, 5	2	55	
269	Hiệp Bình Chánh 2	CL			2	70	
270	Hiệp Bình Chánh 3	CL			2	70	
271	Sơn Ca 3	CL			4	150	
272	An Lộc	NCL			2	50	
273	Bé Xinh	NCL			1	30	
274	Bì Rong Sài Gòn	NCL			1	20	
275	Hải Yến	NCL			1	35	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
276	Hạnh Mai	NCL	Hiệp Bình Chánh	Trên địa bàn Phường	2	70	
277	Hiếu Trung	NCL			4	140	
278	Huệ Trắng	NCL			3	110	
279	Hương Dương Vàng	NCL			1	30	
280	Khánh Hỷ	NCL			1	35	
281	Mặt Trời Hồng	NCL			1	35	
282	Mỹ An	NCL			1	33	
283	Sài Gòn	NCL			1	23	
284	Sao Ngươn	NCL			1	25	
285	Thiên Thần Nhỏ	NCL			1	25	
286	Thiên Ân	NCL			3	75	
287	Sông Xanh	NCL			1	35	
288	Thế Giới Trẻ Em	NCL			2	29	
289	Việt Đông Dương	NCL			3	76	
290	Hải Hà	NCL			1	22	
291	Mặt Trời Bé Con	NCL			1	15	
292	Thế Giới Xanh	NCL			1	18	
Toàn Thành phố					545	16786	



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP 1

(kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-UBND, ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức)

Năm học 2021 - 2022

Năm học 2021 - 2022										
TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyển địa bàn tuyển sinh		Phân tuyển Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	An Bình							7	30	Có tổ chức lớp tích hợp
2	An Khánh	An Lợi Đông			3	3	249	6	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Thủ Thiêm		4	0	4				
		An Khánh	Thường trú KP 1,2,3,4,5	143	0	143				
		An Khánh	Cư ngụ Kp5+6+7	23	76	99				
3	An Phú	An Phú	Cư ngụ Kp1+2+3	97	88	185	185	4	46	
4	Nguyễn Hiền	An Phú	Thường trú KP 5	175	0	175	175	4	44	Có tổ chức lớp tích hợp
5	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Đông	Tạm trú Kp2	0	25	25	355	8	44	Có tổ chức lớp tích hợp
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP4	82	61	143				
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP5	121	66	187				
6	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP1	72	31	103	341	7	49	Có tổ chức lớp tích hợp
		Bình Trưng Đông	Thường trú KP2	43	0	43				
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP3	132	63	195				
7	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Cư ngụ Kp1+2+4+5	223	101	324	443	10	44	Có tổ chức lớp tích hợp
		Bình Trưng Tây	Thường trú KP3,6	119	0	119				

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Huỳnh Văn Ngõ	Thảo Điền	Cư ngụ KP4+5	43	43	86	246	5	49	Có tổ chức lớp tích hợp
		Thảo Điền	Thường trú Kp6	29	0	29				
		An Khánh	Tạm trú Kp 1+2+3+4	0	131	131				
9	Lương Thế Vinh 1	Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP4	9	2	11	329	7	47	Có tổ chức lớp tích hợp
		Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP1	90	46	136				
		Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ CC	51	26	77				
		Thanh Mỹ Lợi	Tạm trú KP2	0	45	45				
		Bình Trưng Tây	Tạm trú KP3;6	0	60	60				
10	Thanh Mỹ Lợi	Thanh Mỹ Lợi	Thường trú Kp2	60	0	60	237	6	40	
		Cát Lái	Cư ngụ Kp1+2	108	69	177				
11	Mỹ Thủy	Cát Lái	Cư ngụ Kp3	69	79	148	198	5	40	
		Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ Kp3	28	22	50				
12	Nguyễn Thị Tư (Chưa hoàn thiện, dự kiến 15/8/2021)	An Phú	Cư ngụ Kp 4	18	36	54	226	6	38	Phương án 2: Mượn phòng của trường Tiểu học An Bình phường An Phú
		An Phú	Tạm trú Kp 5	0	71	71				
		Thảo Điền	Cư ngụ Kp1+2+3	58	27	85				
		Thảo Điền	Tạm trú KP6	0	16	16				
13	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Khu phố 3+4 +5+ 6	235	70	305	375	8	47	
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 4 + tạm trú Kp 2	30	40	70				
14	Đinh Tiên Hoàng	Hiệp Phú	Khu phố 1, 2	145	70	215	363	9	40	Có tổ chức lớp tích hợp
		Tăng Nhơn Phú B	Thường trú Khu phố 5	80	68	148				
15	Long Thạnh Mỹ	Long Thạnh Mỹ	Thường trú: Khu phố 1 + Gò Công	160		160	250	7	36	
			Thường trú Kp Long Hòa	90		90				

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	Nguyễn Minh Quang	Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giản Dân, Mỹ Thành, Chân Phúc Cầm	85	130	215	335	8	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Long Bình	Khu phố Giản Dân	20	15	35				
		Tân Phú	Thường trú Khu phố 5 và 6	85		85				
17	Long Phước	Long Phước	Cả phường	190	60	250	250	6	42	
18	Long Bình	Long Bình	KP Phước Thiện, Long Bửu và Bến Đò	150	80	230	470	10	47	
		Long Thạnh Mỹ	Tạm trú KP Long Hòa + Kp I+ Gò Công		240	240				
19	Tạ Uyên	Long Bình	Khu phố Cầu Ông Tán; Thái Bình 1, Thái Bình 2, Long Sơn, Vĩnh Thuận	125	95	220	220	6	37	
20	Phước Thạnh	Long Trường	Khu phố Phước Lai, Tam Đa, Trường Lưu và Ông Nhiêu	220	150	370	425	9	47	
		Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai	25	30	55				
21	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường	150	160	310	310	7	44	
22	Bùi Văn Mới	Phước Long A	Khu phố 3 + 4 + 5	120	100	220	220	6	37	
23	Phạm Văn Chính	Phước Long A	Khu phố 1 + 2 + 6	115	55	170	323	8	40	Có tổ chức lớp tích hợp
		Phước Long B	Khu phố 1	55	38	93				
		Tăng Nhơn Phú B	Tạm trú Khu phố 1+3		60	60				
24	Võ Văn Hát	Phước Long B	Khu phố: 2, 3, 4	175	195	370	370	8	46	
25	Nguyễn Văn Bá	Phước Long B	Khu phố 5	170	120	290	290	8	36	Có tổ chức lớp tích hợp
26	Trần Thị Bưởi	Phước Long B	Khu phố 6	190	90	280	280	8	35	
27	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường	225	160	385	385	8	48	
28	Trương Văn Thành	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố: 3 ,4 ,7 và tạm trú kp 1,2,5,6	190	175	365	365	8	46	
29	Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú A	Thường trú khu phố: 1, 2, 5 và 6	210		210	210	6	35	Có tổ chức tích hợp
30	Phong Phú	Tăng Nhơn Phú B	Thường trú khu phố: 1+2+3	240		240	240	6	40	
31	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Cả phường trừ Khu phố Phước Lai	150	230	380	515	11	47	
		Long Trường	Khu phố Phước Hiệp	70	65	135				

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	Tân Phú	Tân Phú	Cả phường trừ thường trú Kp 5 và Kp 6	150	325	475	475	10	48	
33	Hoàng Diệu	Linh Trung	- KP1 (trừ tổ 5, 6, 11, 12 /KP1), KP3 (trừ tổ 16, 17, 18 /KP3)	142	178	320	320	7	46	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
34	Đỗ Tấn Phong	Linh Trung	- KP5, KP6 ; tổ 5, 6, 11, 12/ KP1; tổ 16, 17, 18/ KP3	124	201	325	325	7	46	
35	Nguyễn Văn Triết	Linh Trung	- KP2, KP4	80	153	233	390	9	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Linh Tây	- Tổ 1, 2, 3, 4, 5 , 6, 7, 8 /KP1	49	45	94				
		Linh Chiêu	- Tổ 1, 2, 3, 4, 10/KP1; tổ 38, 38A, 38B/KP3 và tổ 47A/KP4	25	38	63				
36	Bình Triệu	Hiệp Bình Chánh	- KP1, KP2, KP3, KP4, KP6 , tổ 44, 44A, 45, 45A, 46 /KP7	320	280	600	600	13	46	
37	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Chánh	- KP5, KP9; và tổ 49, 49A, 50, 51, 52,52A, 52B, 52C, 52D /KP8	118	152	270	270	6	45	
38	Hiệp Bình Phước	Hiệp Bình Phước	Tổ 6, 7, 8 /KP3; tổ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13 /KP4, tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20/KP 5.	95	135	230	230	5	46	
39	Đặng Thị Rành	Hiệp Bình Phước	- KP1; KP2; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16/K3; tổ 1, 2, 3, 4, 5,12/KP4	165	165	330	330	7	47	
40	Đào Sơn Tây	Hiệp Bình Phước	- Tổ 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21/KP5 và KP6	135	240	375	650	14	46	
			- Tổ 47, 48, 48A, 48B, 48C/KP7 và tổ 53, 53A, 53B, 54, 54A/ KP8.	115	160	275				
		Hiệp Bình Chánh								

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	Đặng Văn Bất	Linh Đông	- KP1, KP2; tổ 1, tổ 7/KP7 và KP8	157	138	295	345	8	43	
		Tam Phú	- Tổ 2, 3, 5, 6 /KP2	30	20	50				
42	Bình Quới	Linh Đông	- KP4, KP 7 (trừ tổ 1 và tổ 7/KP7)	125	95	220	220	5	44	
43	Linh Đông	Linh Đông	- KP3, KP5, KP6	65	65	130	130	3	43	
44	Trương Văn Hải	Tam Phú	- KP3, KP4	119	70	189	290	6	48	
		Tam Bình	- KP1	61	40	101				
45	Thái Văn Lung	Tam Phú	- KP 1, tổ 1, 4, 7, 8, 9/KP2 và KP5	175	105	280	280	6	47	
46	Xuân Hiệp	Linh Xuân	- Tổ 1, 2, 7, 8/KP1; KP2, KP4, KP5	195	265	460	460	10	46	
47	Nguyễn Văn Nở	Linh Xuân	- Tổ 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19/KP 1 và tổ 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18/KP 3.	170	215	385	385	8	48	
48	Nguyễn Văn Lịch	Linh Xuân	- Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11/KP3 và tổ 3, 4 /KP1.	60	180	240	240	5	48	
49	Lương Thế Vinh	Bình Thọ	- KP1, KP2, KP3, KP4	141	120	261	490	11	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Trường Thọ	- Tổ 6, 7, 8 /KP2; tổ 1, 2, 3 /KP3; KP4; tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 /KP5; tổ 10, 11, 12, 13/KP6	122	107	229				
50	Tìr Đức	Bình Thọ	- KP1, KP2, KP3, KP4	75	65	140	225	5	45	
		Linh Chiêu	- Từ tổ 39 đến tổ 48 /KP4 và từ tổ 49 đến tổ 59/KP5	40	45	85				
51	Bình Chiêu	Bình Chiêu	- KP 1 ; tổ 11, 11A/KP2; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,7A,8, 9/KP3	160	410	570	570	12	48	
52	Trần Văn Vân	Bình Chiêu	-Tổ 10/KP 3; KP4, KP5, KP6	114	336	450	450	10	45	

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
53	Nguyễn Văn Tây	Bình Chiểu	- KP2 (trừ tổ 11, 11A)	170	440	610	610	14	44	
54	Nguyễn Trung Trực	Linh Chiểu	- Tổ 5, 6, 7, 8, 9/KP1; từ tổ 11 đến tổ 31 /KP2; từ tổ 32 đến tổ 37A/KP3	70	60	130	280	6	47	
		Trường Thọ	- KP 1; tổ 1, 2, 3, 4, 5 /KP2 và tổ 4, 5, 6, 7, 8 /KP3	70	41	111				
		Linh Tây	từ tổ 36 đến tổ 40/KP3 và tổ 41, 42, 43 và tổ 57/KP 4	21	18	39				
55	Nguyễn Văn Banh	Trường Thọ	- Tổ 9, 10 /KP2; tổ 1, 2, 3, 19 /KP5; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16/KP6 và KP7, KP8, KP9	163	122	285	285	6	48	
56	Tam Bình	Tam Bình	- KP2 và KP3, KP4, KP5	185	210	395	395	9	44	
57	Linh Tây	Linh Tây	- Tổ 9, 10, 11/KP1; từ tổ 12 đến tổ 28/ KP2; từ tổ 29 đến tổ 35/ KP3; từ tổ 44 đến tổ 56 và tổ 58/KP4; từ tổ 59 đến tổ 67/KP5	130	55	185	185	4	46	
58	Linh Chiểu	Linh Chiểu	- Học sinh diện thường trú thuộc phường Linh Chiểu.	150	0	150	150	5	30	Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế
59	Tổng cộng			9779	9014	18793	18793	426	44	
	Ngô Thời Nhiệm (NCL)	Phước Long A				90	90	3	30	
	Khai Nguyên (NCL)	Hiệp Phú				105	105	3	35	
60	Emasi Vạn Phúc (NCL)	Hiệp Bình Phước				125	125	5	25	
	Tổng cộng			9779	9014	19113	19113	437	44	



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP 6

(kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-UBND, ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức)

Năm học 2021 - 2022

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyển Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Quốc Toàn 1							7	30	Không phân tuyển
2	An Phú	An Phú	Cư ngụ KP4	19	32	51	273	7	39	
		An Phú	Thường trú KP5	91		91				
		Thảo điền	Thường trú KP 1,2,3,4,5,6	83		83				
		Lớp tích hợp trường TiH Nguyễn Hiền		48		48				
3	Bình An	Thủ Thiêm		3		3	233	6	39	
		An Lợi Đông		3		3				
		Thảo điền	Tạm trú KP 1,2,3,4,5,6		42	42				
		An Khánh	Cư ngụ KP 1,2,3,4,5	101	84	185				
4	Cát Lái	Cát Lái	Tạm trú KP1,2		36	36	174	5	35	
		Cát Lái	Cư ngụ KP3	36	53	89				
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP3	32	17	49				
5	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Cư ngụ KP1,2,3,4,5	195		195	195	5	39	

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyến Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh			Số lớp	SS HS /lớp		
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Lương Định Cửa	An Khánh	Cư ngụ KP6,7	23	19	42	309	8	39	
		Bình Trung Tây	Tạm trú KP1,2,3,4		33	33				
		An Phú	Cư ngụ KP1,2,3	78	69	147				
		An Phú	Tạm trú KP5		23	23				
		Thanh Mỹ Lợi	Thường trú KP1	35		35				
		Lớp tích hợp trường TiH Giồng Ông Tố		29		29				
7	Nguyễn Thị Định	Thanh Mỹ Lợi	Tạm trú KP1		43	43	200	5	40	
		Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP2	94	44	138				
		Thanh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP4	12	7	19				
8	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trung Đông	Cư ngụ KP1,2,3	132	42	174	290	7	41	
		Bình Trung Đông	Thường trú KP4,5	116		116				
9	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Thường trú KP1,2	97		97	251	6	42	
		Bình Trung Đông	Tạm trú KP4,5		43	43				
		Bình Trung Tây	Tạm trú KP5		25	25				
		Bình Trung Tây	Cư ngụ KP6	64	22	86				
10	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Cả phường (trừ thường trú khu phố 1)	162	91	253	406	10	41	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tăng Nhơn Phú A	Tạm trú cả phường		106	106				
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 4	22	25	47				
11	Hưng Bình	Long Thạnh Mỹ	Cả phường trừ khu phố Giãn Dân	223	113	336	401	9	45	
		Long Bình	Khu phố Phước Thiện	41	24	65				
12	Long Phước	Long Phước	Cả phường	124	48	172	172	4	43	

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyển Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Long Bình	Long Bình	Cả phường (trừ khu phố Phước Thiện)	194	88	282	282	7	40	
14	Long Trường	Long Trường	Cả phường (trừ Khu phố Phước Hiệp)	116	99	215	245	6	41	
		Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai	13	17	30				
15	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường	92	45	137	137	4	34	
16	Đặng Tấn Tài	Phước Long A	Cả phường	121	152	273	429	10	43	
		Phước Long B	Khu phố 2+3 và Tạm trú khu phố 1+5	57	99	156				
17	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường	178	99	277	422	10	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Phước Long B	Thường trú Khu phố 5 và cả khu phố 6	119	26	145				
18	Trần Quốc Toàn	Tăng Nhơn Phú A	Thường trú cả phường	450		450	450	10	45	Có tổ chức lớp tích hợp
19	Tăng Nhơn Phú B	Tăng Nhơn Phú B	Cả Kp 1+3 và tạm trú kp 2+5	130	87	217	332	10	33	
		Phước Long B	Cả Khu phố 4	80	35	115				
20	Hoa Lư	Tăng Nhơn Phú B	Thường trú Khu phố 2 và 5	210		210	450	10	45	Có tổ chức lớp tích hợp
		Hiệp Phú	Thường trú khu phố 1	160		160				
		Phước Long B	Thường trú khu phố 1	80		80				
21	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Cả phường trừ Khu phố Phước Lai	104	118	222	307	7	44	
		Long Trường	Cả Khu phố Phước Hiệp	46	39	85				
22	Tân Phú	Tân Phú	Cả phường	198	192	390	423	10	42	
		Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giãn Dân	21	12	33				
23	Bình Chiểu	Bình Chiểu	Khu phố 1, 2	186	354	540	540	12	45	
24	Dương Văn Thị	Bình Chiểu	Khu phố 3, 4, 5, 6	155	270	425	425	9	47	

Trường Trung học cơ sở	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyến Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	Tam Bình	Tam Bình	Khu phố 2, 3, 4, 5	185	235	420	420	9	47	
26	Thái Văn Lung	Tam Phú	Cả phường	262	156	418	510	11	46	
		Tam Bình	Khu phố 1	52	40	92				
27	Bình Thọ	Bình Thọ	Thường trú cả Phường	220		220	220	5	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích
28	Lê Văn Việt	Bình Thọ	Tạm trú cả phường			120	120	120	3	40
29	Linh Trung	Linh Trung	Khu phố 1, 2, 4, 5, 6	170	190	360	360	8	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích
30	Lê Quý Đôn	Linh Chiêu	Cả phường	230	190	420	615	13	47	
		Linh Trung	Khu phố 3	110	85	195				
31	Xuân Trường	Linh Xuân	Khu phố 2, 3	132	178	310	310	7	44	
32	Nguyễn Văn Bá	Linh Xuân	Khu phố 1, 4, 5	182	278	460	460	10	46	
33	Trương Văn Ngự	Linh Tây	Cả phường	162	88	250	250	6	42	
34	Linh Đông	Linh Đông	Cả Phường	244	101	345	345	8	43	
35	Ngô Chí Quốc	Hiệp Bình Chánh	Cả Phường	395	260	655	655	14	47	
36	Hiệp Bình	Hiệp Bình Phước	Cả Phường	242	238	480	480	10	48	
37	Trường Thọ	Trường Thọ	Cả Phường	280	140	420	420	9	47	
	Cộng:			7439	5072	12511	12511	297	42	
38	Ngô Thời Nhiệm	Phước Long A				200	200	6	33	
39	Hoa Sen	Hiệp Phú				40	40	1	40	
40	Hồng Đức	Phước Long A				30	30	1	30	
	Cộng:			0	0	270	270	8	34	
	Tổng cộng:			7439	5072	12781	12781	305	42	